



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia

Ngày 30/09/2025	19,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	19.4%	19.0%

DT thuần Q3/25
170
tỷ VNĐ
QoQ: ▼24.0 -12.2%
YoY: ▼98.0 -36.4%

LN thuần Q3/25
141
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.0 28.9%
YoY: ▲ 86.8 159%

LN sau thuế Q3/25
109
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.7 32.5%
YoY: ▲ 84.8 351%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
100%
YoY: +/-▲ 32.8%

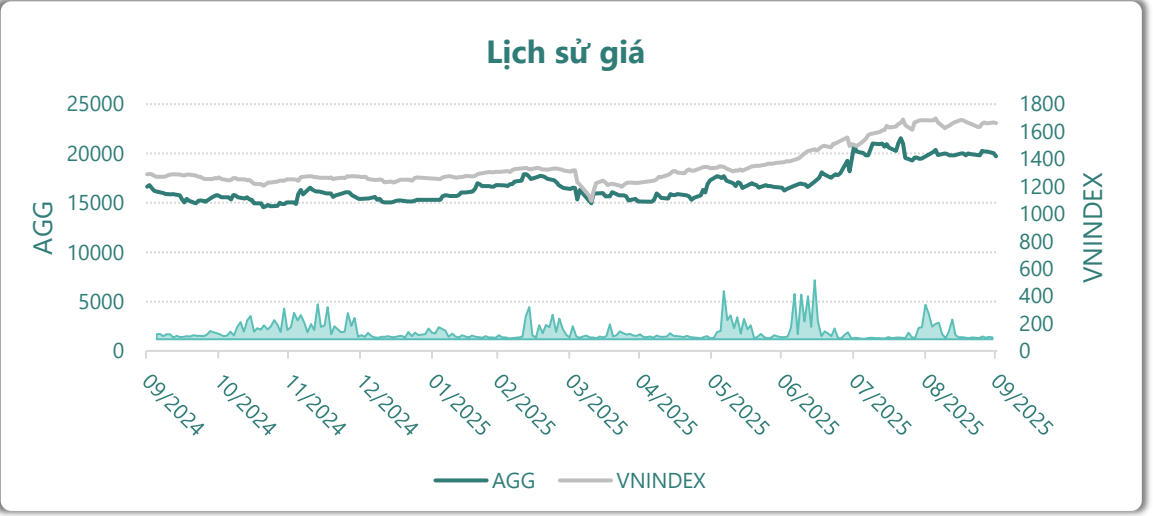
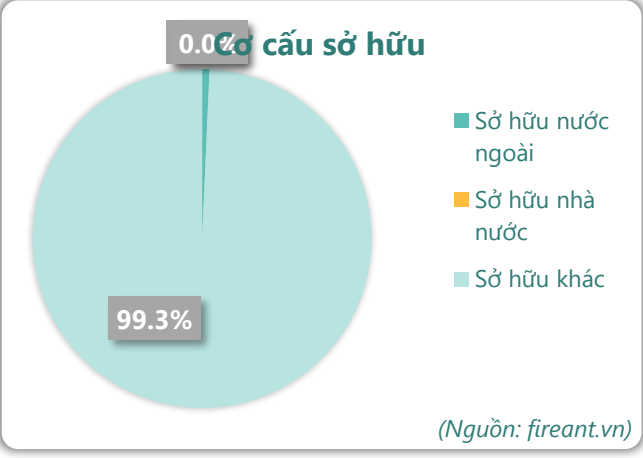
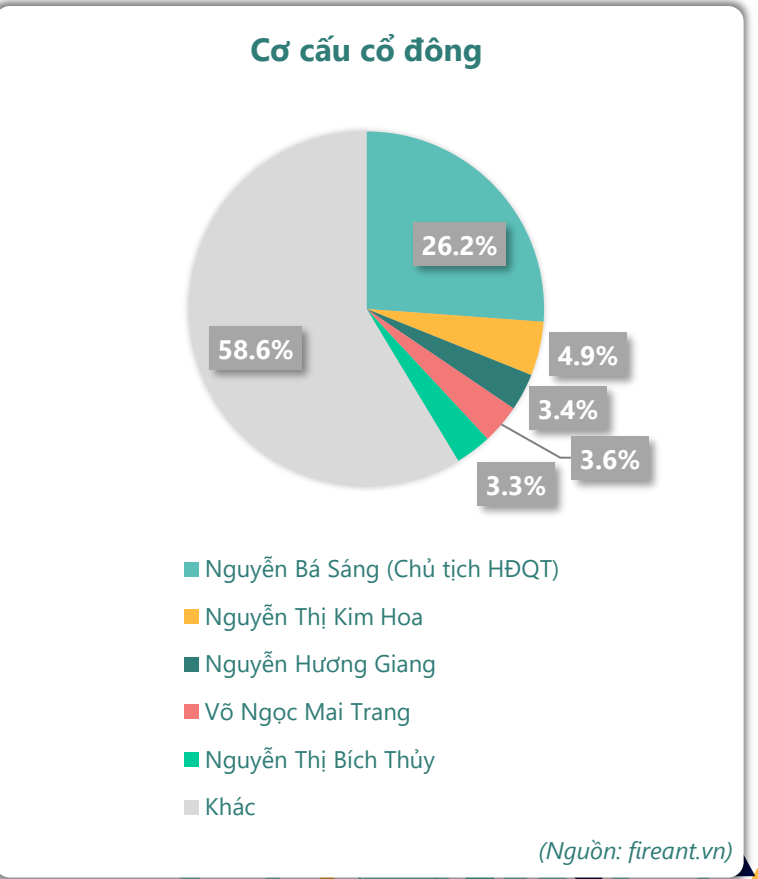
ROE (TTM) Q3/25
7.7%
YoY: +/-▲ 2.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,550 - 21,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,202
Số lượng CPLH (CP)	162,528,081
KLGD BQ 20 phiên (CP)	703,305
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.80
EPS	1,522
P/E	12.9

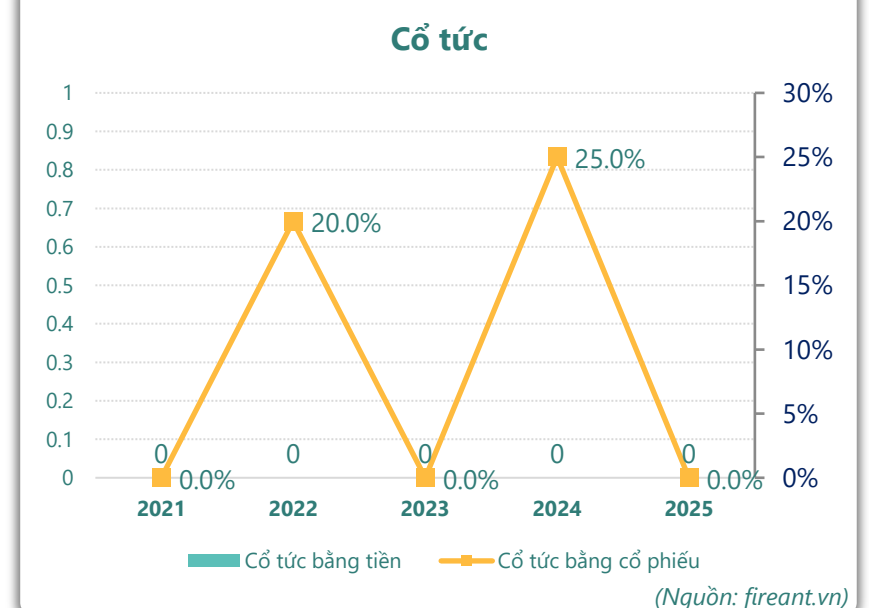
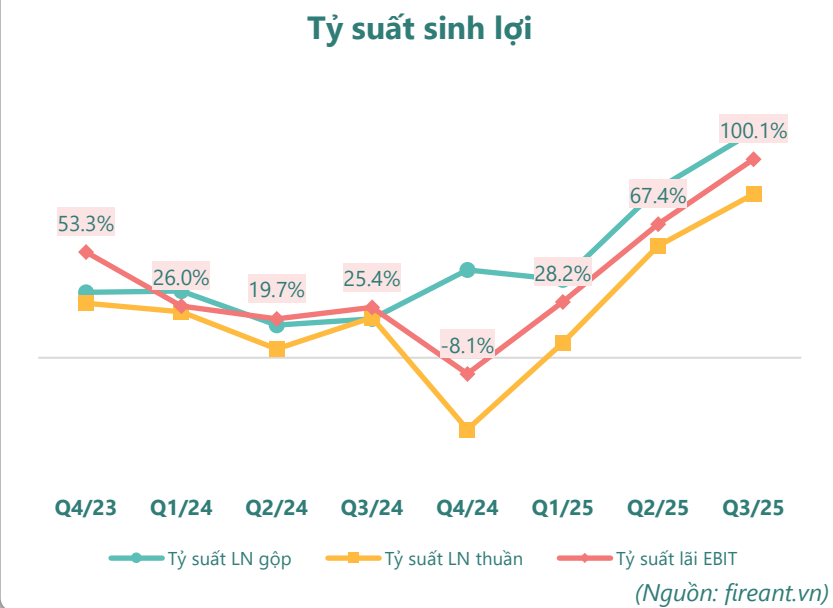
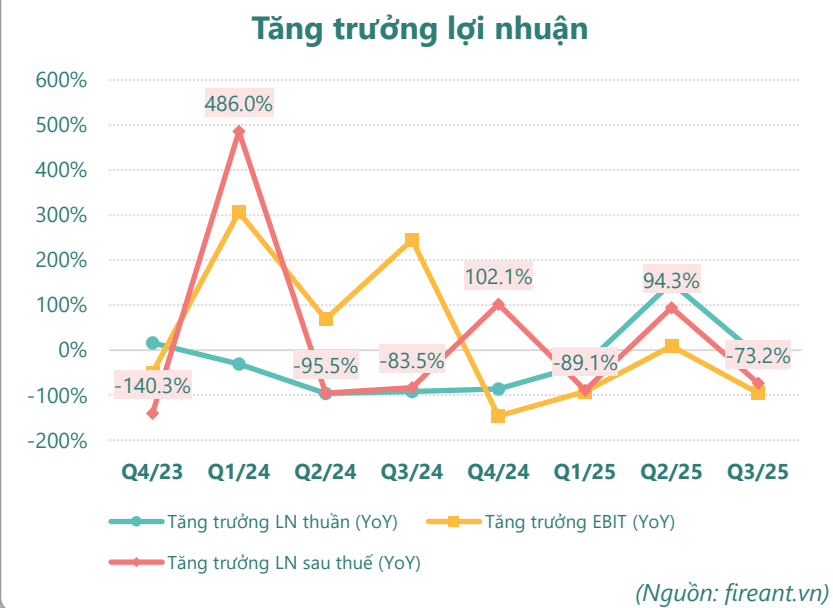
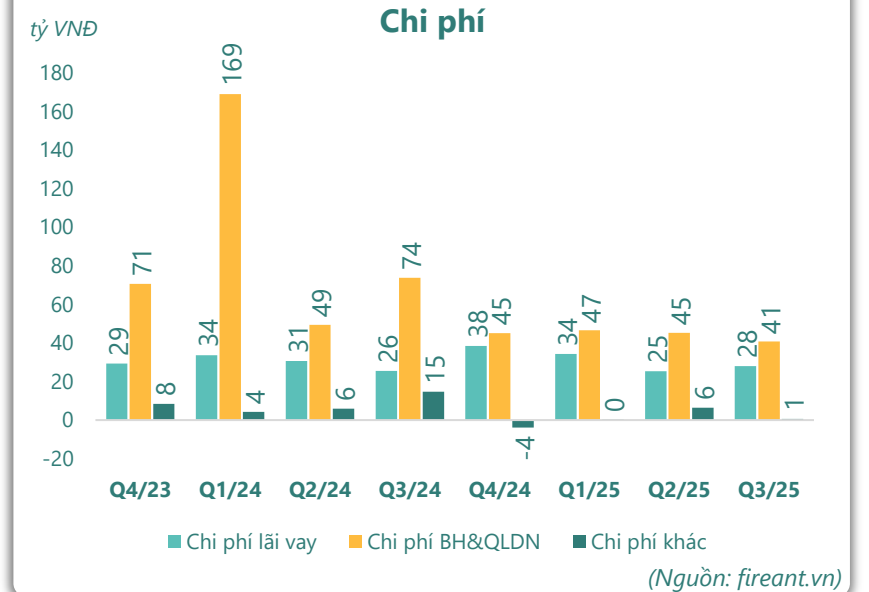
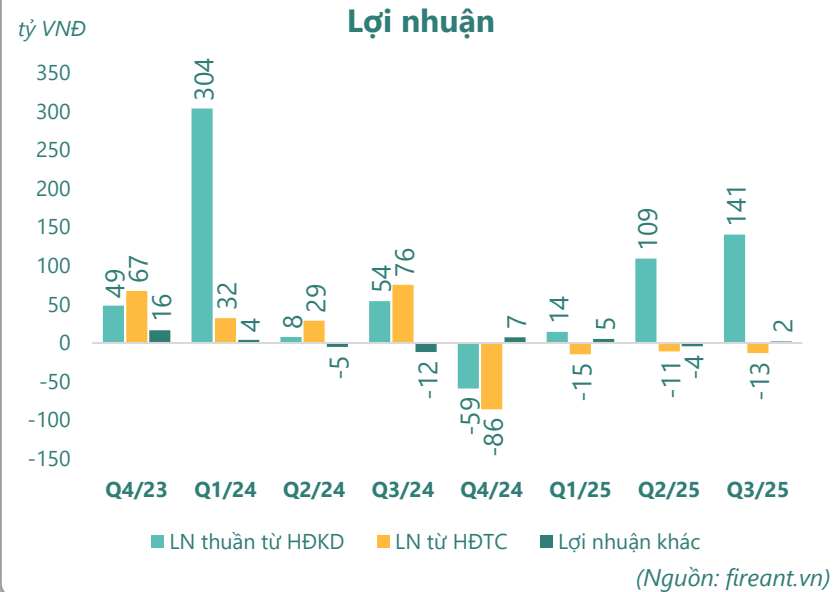
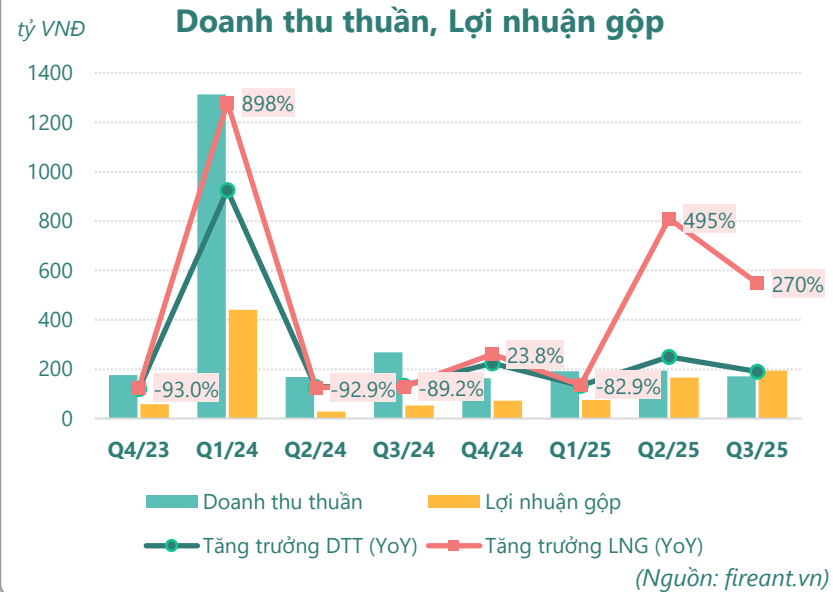
DT thuần 9T 2025
556
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,194 -68.2%

LN thuần 9T 2025
264
tỷ VNĐ
YoY: ▼102 -27.8%

LN sau thuế 9T 2025
199
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.0 -16.9%



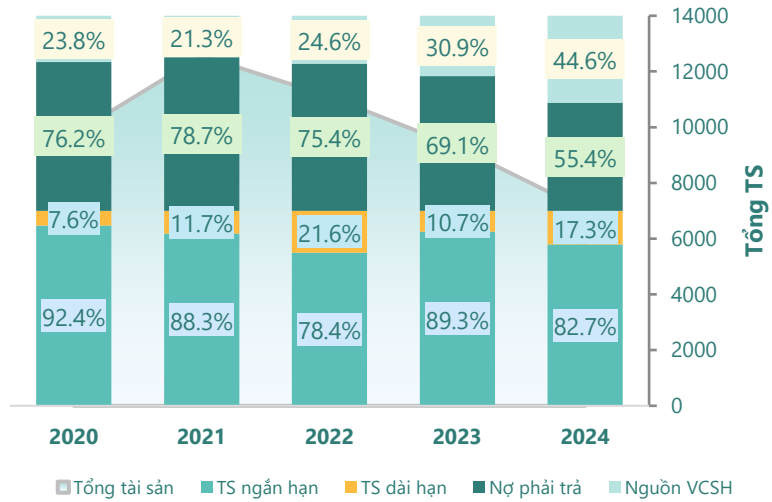
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

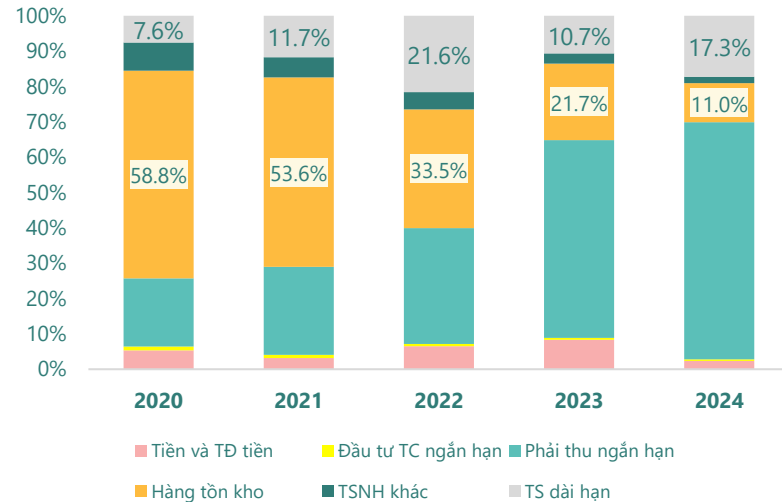
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

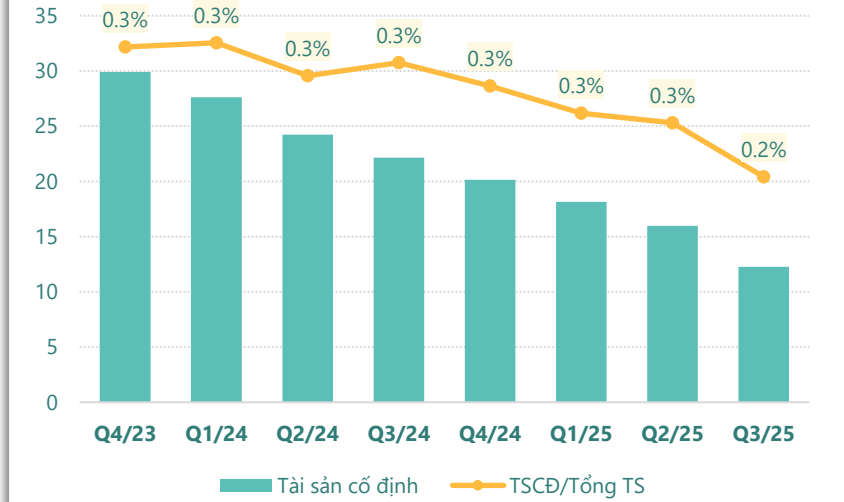
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

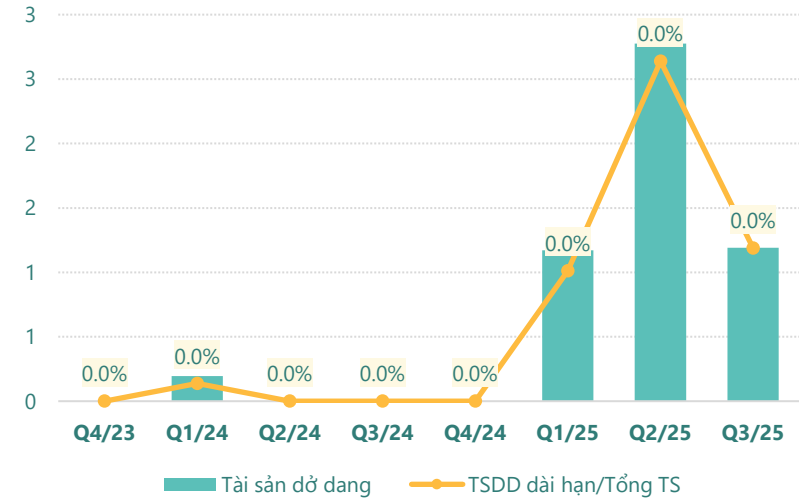
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

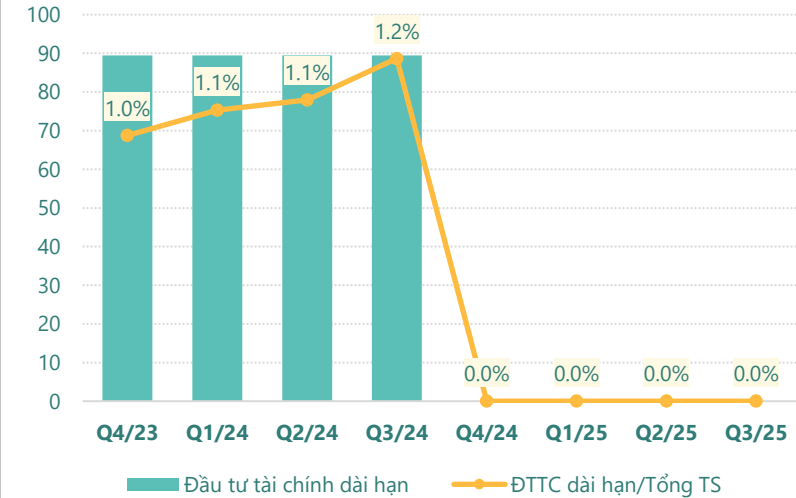
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

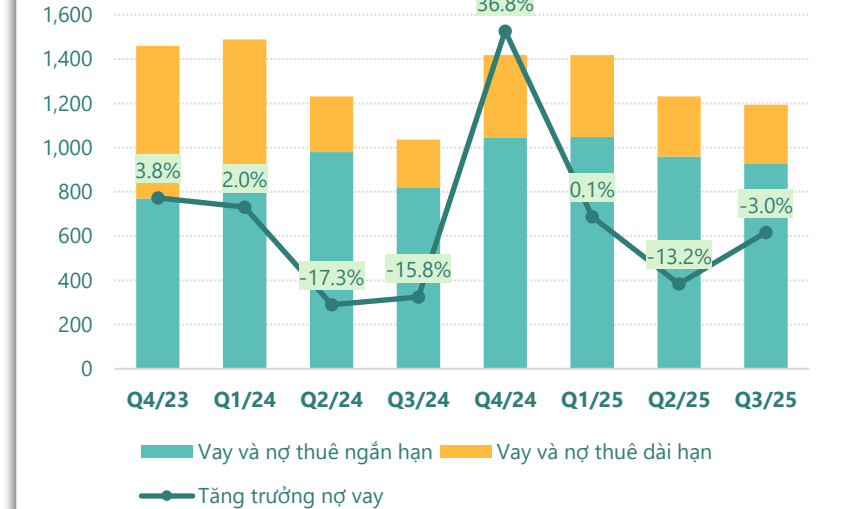
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

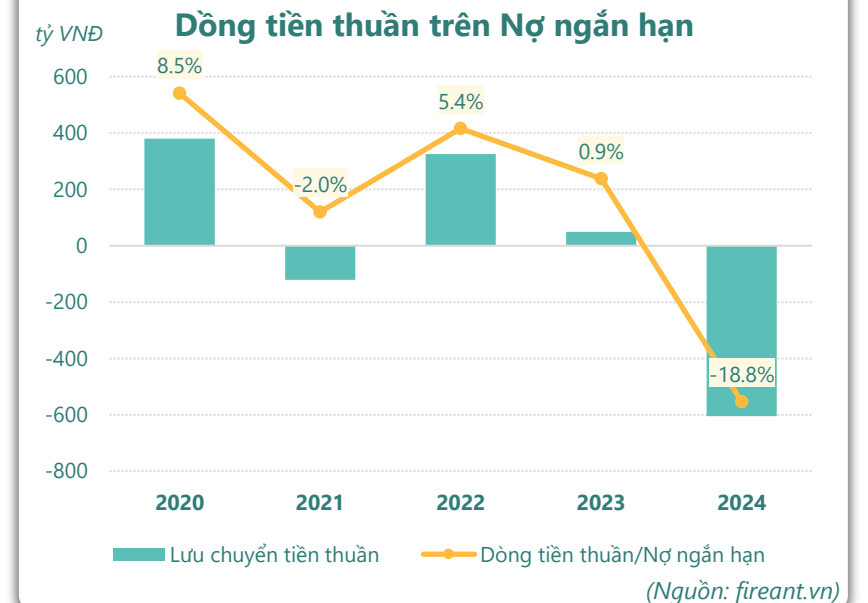
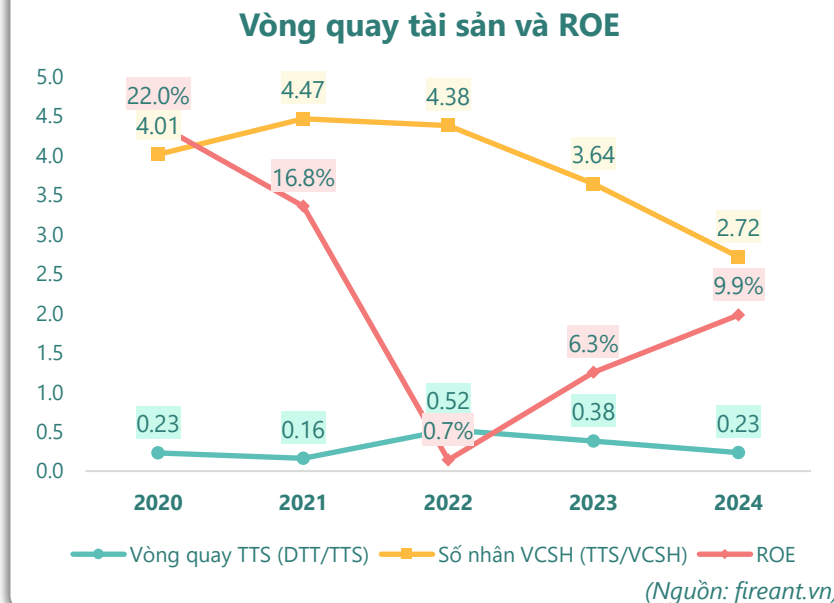
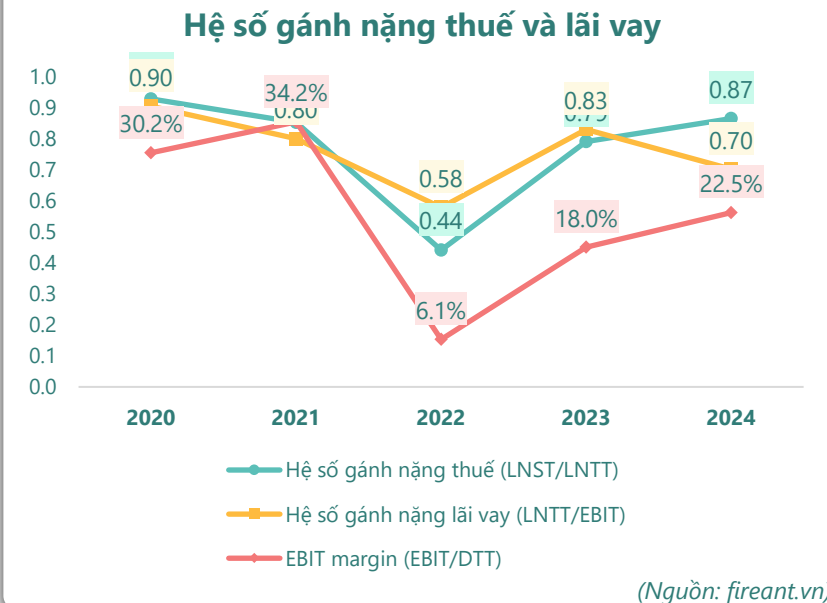
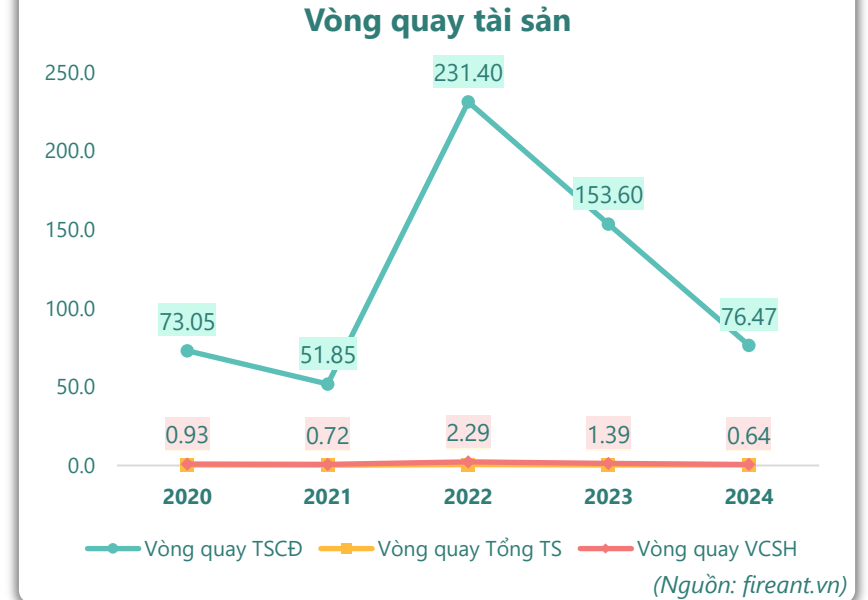
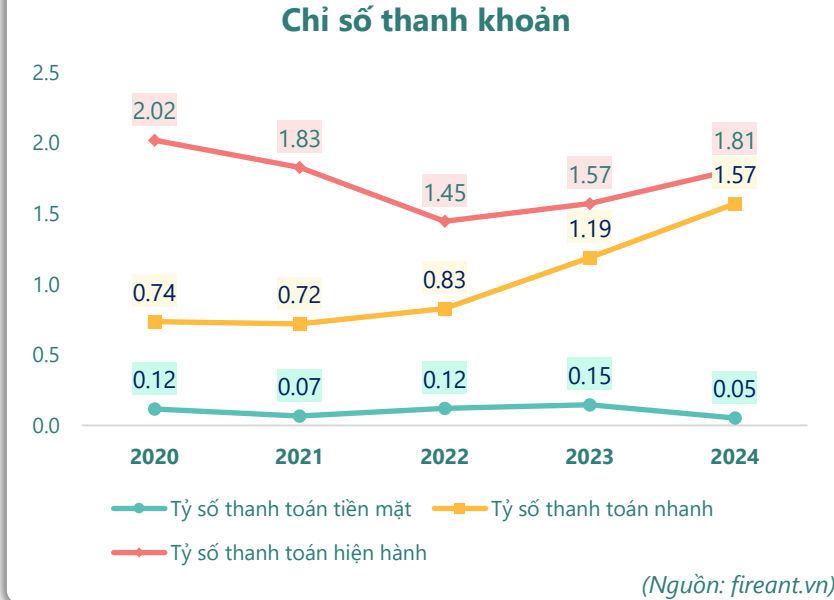
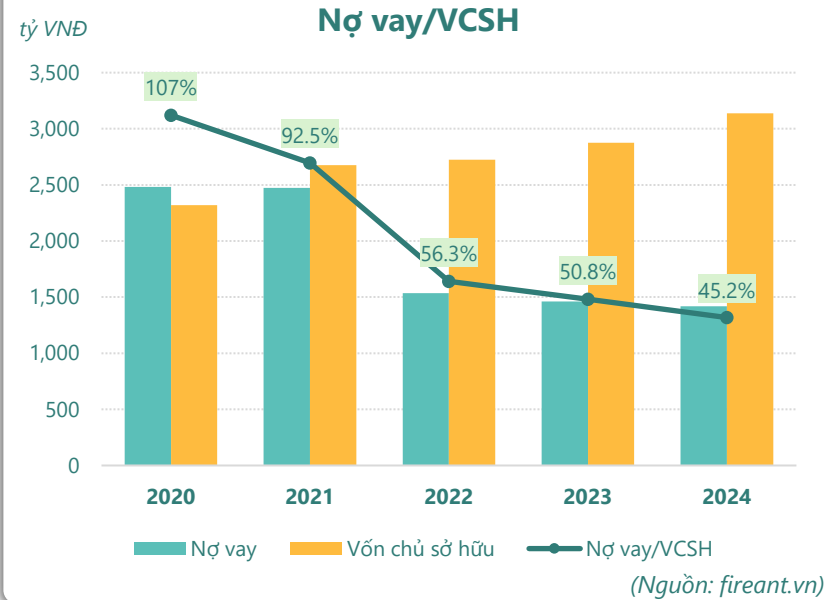
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	170	268	-36.4%	556	1,750	-68.2%
Giá vốn hàng bán	-24.0	216	-111%	121	1,229	-90.2%
Lợi nhuận gộp	194	52.5	270%	435	521	-16.5%
Doanh thu HĐTC	21.2	116	-81.7%	82.7	333	-75.1%
Chi phí TC	34.3	40.1	-14.6%	121	196	-38.1%
Chi phí lãi vay	27.9	25.5	9.6%	87.7	89.8	-2.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	25.7	47.6	-46.0%	80.1	216	-63.0%
Chi phí QLDN	15.1	26.2	-42.4%	52.4	75.9	-31.0%
LN thuần từ HĐKD	141	54.2	159%	264	366	-27.8%
Lợi nhuận khác	2.07	-11.7	118%	3.23	-12.6	126%
LN trước thuế	143	42.6	235%	267	353	-24.3%
Lợi nhuận sau thuế	109	24.2	351%	199	240	-16.9%
LNST của CĐ cty mẹ	109	24.3	349%	200	250	-20.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-49.4	-774	-80.1	-116	-7.73	-811
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	433	828	22.0	134	66.6	834
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-268	-166	125	-7.61	-197	-40.9
Tiền đầu kỳ	96.9	212	100	167	178	39.4
Lưu chuyển tiền thuần	115	-112	66.8	10.5	-138	-17.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	212	100	167	178	39.4	22.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,012	7,035	-14.6%
Tài sản ngắn hạn	1,957	5,819	-66.4%
Tiền và tương đương tiền	22.0	167	-86.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.8	30.1	-24.2%
Phải thu ngắn hạn	1,314	4,717	-72.2%
Hàng tồn kho	523	776	-32.6%
Tài sản ngắn hạn khác	75.3	128	-41.3%
Tài sản dài hạn	4,055	1,216	233%
Phải thu dài hạn	3,987	1,087	267%
Tài sản cố định	12.3	20.2	-39.1%
Bất động sản đầu tư	24.0	31.8	-24.7%
Tài sản dở dang	1.19	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	31.1	77.6	-59.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,676	3,898	-31.4%
Nợ ngắn hạn	2,122	3,211	-33.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	928	1,046	-11.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	97.6	286	-65.9%
Nợ dài hạn	554	688	-19.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	265	371	-28.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,336	3,137	6.3%
Vốn chủ sở hữu	3,336	3,137	6.3%
Vốn điều lệ	1,625	1,625	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

